UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

Số:1614/QĐ-CĐKTCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Khánh Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
**Công nhận kết quả tốt nghiệp cao đẳng (Liên thông từ trung cấp) khóa 17 và các khóa cũ**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

*Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-CĐKTCN, ngày 06/05/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;*

*Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-CĐKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích luỹ mô-đun hoặc tín chỉ;*

*Căn cứ nội dung cuộc họp xét công nhận kết quả tốt nghiệp cao đẳng (Liên thông từ trung cấp) khóa 17 và các khóa cũ của Hội đồng ngày 06/08/2024;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả tốt nghiệp đối với 189 sinh viên cao đẳng (Liên thông từ trung cấp) khóa 17 và các khóa cũ.

*(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Các sinh viên có tên tại **Điều 1** được cấp bằng tốt nghiệp một lần.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận***:
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT, ĐT (2 bản).

**HIỆU TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

**Nguyễn Văn Lực**

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
# HỆ CAO ĐẲNG (LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP) KHÓA 17 và CÁC KHÓA CŨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1614/QĐ-CĐKTCN ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)*

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Đức Chí | Nhân | Nam | 11/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTXD17 | 2,84 | C | Khá | |
| 2 | Phạm Ngọc | Vũ | Nam | 20/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTXD17 | 2,88 | C | Khá | |
| 3 | Lê Công Tuấn | Anh | Nam | 10/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 4 | Lê Minh Tuấn | Anh | Nam | 01/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,80 | C | Khá | |
| 5 | Đào Duy | Chiến | Nam | 15/9/2005 | Bình Định | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 6 | Nguyễn Ngọc | Dũng | Nam | 13/8/2005 | Ninh Thuận | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 7 | Nguyễn Phước | Duy | Nam | 08/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 8 | Võ Hồ Anh | Duy | Nam | 26/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,84 | C | Khá | |
| 9 | Nguyễn Cao | Đẳng | Nam | 17/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,96 | C | Khá | |
| 10 | Nguyễn Duy | Đạt | Nam | 28/3/2005 | Thanh Hóa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 11 | Nguyễn Tiến | Đạt | Nam | 30/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 3,00 | B | Giỏi | |
| 12 | Thái Thành | Đạt | Nam | 08/8/2005 | Đồng Nai | CĐLT-CNOT17 | 2,96 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Phan Gia | Định | Nam | 08/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,60 | C | Khá | |
| 14 | Nguyễn Văn | Đức | Nam | 13/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,84 | C | Khá | |
| 15 | Nguyễn Trung | Hiếu | Nam | 01/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,72 | C | Khá | |
| 16 | Phạm Thành | Hiếu | Nam | 10/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,80 | C | Khá | |
| 17 | Nguyễn Quang | Huy | Nam | 03/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,76 | C | Khá | |
| 18 | Trần Minh | Huy | Nam | 14/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,96 | C | Khá | |
| 19 | Trần Minh | Kha | Nam | 20/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 20 | Lộc Gia | Khánh | Nam | 13/8/2005 | Đắk Lắk | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 21 | Cao Minh | Kiên | Nam | 03/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,84 | C | Khá | |
| 22 | Phạm Tuấn | Lộc | Nam | 04/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 23 | Cù Khánh Bảo | Long | Nam | 05/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 24 | Nguyễn Hoài | Nam | Nam | 31/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 25 | Trần Thanh | Phong | Nam | 19/3/2005 | Phú Yên | CĐLT-CNOT17 | 3,00 | B | Giỏi | |
| 26 | Nguyễn Minh | Phú | Nam | 24/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,88 | C | Khá | |
| 27 | Nguyễn Mậu | Thân | Nam | 21/8/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,72 | C | Khá | |
| 28 | Nguyễn Phạm Công | Thành | Nam | 20/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,88 | C | Khá | |
| 29 | Nguyễn Hữu | Thiện | Nam | 10/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 30 | Lê Công | Thịnh | Nam | 03/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,84 | C | Khá | |
| 31 | Đinh Trường Danh | Toại | Nam | 22/9/2005 | Bình Định | CĐLT-CNOT17 | 2,76 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | Trần Quốc | Toản | Nam | 28/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 33 | Vương Thanh | Trà | Nam | 22/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,96 | C | Khá | |
| 34 | Trần Minh | Trí | Nam | 08/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 35 | Trần Lữ Mỹ | Trinh | Nữ | 26/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,56 | C | Khá | |
| 36 | Trương Quốc | Trung | Nam | 09/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,80 | C | Khá | |
| 37 | Nguyễn Quốc | Tuấn | Nam | 14/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,92 | C | Khá | |
| 38 | Võ Thành | Vinh | Nam | 08/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNOT17 | 2,88 | C | Khá | |
| 39 | Võ Lê Thái | Dương | Nam | 07/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,92 | C | Khá | |
| 40 | Ngô Quốc | Đạt | Nam | 25/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 3,07 | B | Giỏi | |
| 41 | Nguyễn Trọng | Hiếu | Nam | 02/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,97 | C | Khá | |
| 42 | Nguyễn Thành | Lân | Nam | 08/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,86 | C | Khá | |
| 43 | Nguyễn Hoàng | Phong | Nam | 05/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 3,02 | B | Giỏi | |
| 44 | Phạm Duy | Quy | Nam | 07/7/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,99 | C | Khá | |
| 45 | Trương Bảo Hoài | Sơn | Nam | 16/6/2003 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 3,03 | B | Giỏi | |
| 46 | Nguyễn Chí | Thiện | Nam | 24/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,95 | C | Khá | |
| 47 | Nguyễn Trần | Toàn | Nam | 02/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,88 | C | Khá | |
| 48 | Nguyễn Văn | Trường | Nam | 10/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CGKL17 | 2,72 | C | Khá | |
| 49 | Phạm Anh | Bằng | Nam | 21/06/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,92 | C | Khá | |
| 50 | Trần Văn | Boanh | Nam | 01/11/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,88 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 51 | Mai Đức | Đạt | Nam | 10/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 52 | Trương Vũ Thành | Đạt | Nam | 14/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,92 | C | Khá | |
| 53 | Tống Minh | Hải | Nam | 09/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,16 | B | Giỏi | |
| 54 | Nguyễn Minh | Hiển | Nam | 13/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,88 | C | Khá | |
| 55 | Nguyễn Hoàng Minh | Hiếu | Nam | 16/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,92 | C | Khá | |
| 56 | Nguyễn Trần Ngọc | Hoàng | Nam | 08/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,88 | C | Khá | |
| 57 | Phạm Quốc | Huy | Nam | 29/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,00 | B | Giỏi | |
| 58 | Trần Nhật | Huy | Nam | 13/09/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,84 | C | Khá | |
| 59 | Trương Phúc | Khang | Nam | 24/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,68 | C | Khá | |
| 60 | Nguyễn Lê Phong | Nhã | Nam | 26/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,24 | B | Giỏi | |
| 61 | Ngô Văn | Phúc | Nam | 22/7/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,92 | C | Khá | |
| 62 | Hồ Vinh | Quang | Nam | 22/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,96 | C | Khá | |
| 63 | Nguyễn Khoan Trà | Quý | Nam | 09/3/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 64 | Bùi Hồng | Sanh | Nam | 07/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 65 | Đinh Nhật | Thuận | Nam | 02/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 66 | Đinh Văn | Trọng | Nam | 22/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,76 | C | Khá | |
| 67 | Nguyễn Thanh | Tùng | Nam | 12/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 2,88 | C | Khá | |
| 68 | Trần Nhật | Vỹ | Nam | 25/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,00 | B | Giỏi | |
| 69 | Nguyễn Võ Đức | Sang | Nam | 30/01/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐCN17 | 3,00 | B | Giỏi | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | Nguyễn Phúc | Hậu | Nam | 09/6/2005 | Đắk Lắk | CĐLT-KTML17 | 2,60 | C | Khá | |
| 71 | Nguyễn Văn | Hậu | Nam | 05/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,72 | C | Khá | |
| 72 | Võ Minh | Hiếu | Nam | 13/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,64 | C | Khá | |
| 73 | Đặng Minh | Huy | Nam | 31/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,76 | C | Khá | |
| 74 | Nguyễn Bình | Khánh | Nam | 03/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,56 | C | Khá | |
| 75 | Trần Quốc | Khánh | Nam | 21/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,64 | C | Khá | |
| 76 | Trần Quốc | Khánh | Nam | 30/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,52 | C | Khá | |
| 77 | Lê Quang | Lộc | Nam | 01/7/2005 | Bình Định | CĐLT-KTML17 | 2,72 | C | Khá | |
| 78 | Đặng Trần Phương | Phụng | Nam | 19/02/2005 | Phú Yên | CĐLT-KTML17 | 2,84 | C | Khá | |
| 79 | Lê Minh | Phước | Nam | 20/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,76 | C | Khá | |
| 80 | Trần Quốc | Quang | Nam | 16/02/2005 | Bình Định | CĐLT-KTML17 | 2,88 | C | Khá | |
| 81 | Huỳnh Ngọc Hữu | Sinh | Nam | 30/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,64 | C | Khá | |
| 82 | Nguyễn Tấn | Tài | Nam | 19/9/2002 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,56 | C | Khá | |
| 83 | Võ Định | Tấn | Nam | 08/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,68 | C | Khá | |
| 84 | Trần Duy Nhật | Thanh | Nam | 08/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,76 | C | Khá | |
| 85 | Nguyễn Hoàng Đức | Thiện | Nam | 04/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,56 | C | Khá | |
| 86 | Võ Quang | Thụy | Nam | 22/7/2003 | Đắk Lắk | CĐLT-KTML17 | 2,76 | C | Khá | |
| 87 | Nguyễn Trường | Tín | Nam | 13/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,52 | C | Khá | |
| 88 | Nguyễn Đức | Trí | Nam | 13/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,60 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 89 | Nguyễn Bá | Trình | Nam | 29/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML17 | 2,68 | C | Khá | |
| 90 | Trần Gia | Bảo | Nam | 08/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐĐT17 | 2,72 | C | Khá | |
| 91 | Nguyễn Tấn | Đạt | Nam | 10/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐĐT17 | 2,70 | C | Khá | |
| 92 | Nguyễn Ngọc | Lin | Nam | 29/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐĐT17 | 2,80 | C | Khá | |
| 93 | Lương Quốc Trường | An | Nam | 07/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,84 | C | Khá | |
| 94 | Trần Hoàng Quốc | Anh | Nam | 16/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,84 | C | Khá | |
| 95 | Bùi Ngọc | Ánh | Nam | 11/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,83 | C | Khá | |
| 96 | Kiều Duy | Bảo | Nam | 23/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,76 | C | Khá | |
| 97 | Lê Hoàng | Duy | Nam | 19/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,49 | C | Trung bình | |
| 98 | Lê Nguyễn Tấn | Đức | Nam | 22/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,54 | C | Khá | |
| 99 | Nguyễn Đức | Hậu | Nam | 07/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,76 | C | Khá | |
| 100 | Phạm Đình | Hiệp | Nam | 22/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,60 | C | Khá | |
| 101 | Nguyễn Đức | Hoàng | Nam | 23/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,90 | C | Khá | |
| 102 | Hồ Khải | Huy | Nam | 09/08/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,67 | C | Khá | |
| 103 | Vương Hoàng | Khôi | Nam | 15/12/2005 | Quảng Ngãi | CĐLT-CNTT17 | 2,63 | C | Khá | |
| 104 | Hàn Anh | Lâm | Nam | 23/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,71 | C | Khá | |
| 105 | Võ Thành | Lợi | Nam | 27/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,88 | C | Khá | |
| 106 | Chế Quý | Luân | Nam | 16/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,85 | C | Khá | |
| 107 | Võ Hoài | Nam | Nam | 24/12/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,67 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 108 | Đặng Hoàng | Ngọc | Nam | 16/12/2003 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,81 | C | Khá | |
| 109 | Bùi Phạm Khôi | Nguyên | Nam | 28/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,98 | C | Khá | |
| 110 | Lâm Triệu Minh | Nhân | Nam | 04/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,67 | C | Khá | |
| 111 | Nguyễn Văn | Nhân | Nam | 13/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,88 | C | Khá | |
| 112 | Lê Phùng Anh | Quốc | Nam | 22/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 3,26 | B | Giỏi | |
| 113 | Nguyễn Hoàng | Quyền | Nam | 31/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,54 | C | Khá | |
| 114 | Lê Hiếu | Thiên | Nam | 05/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,73 | C | Khá | |
| 115 | Huỳnh Phước | Thiện | Nam | 13/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,62 | C | Khá | |
| 116 | Tăng Truyền | Thụ | Nam | 22/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,54 | C | Khá | |
| 117 | Nguyễn Mạnh | Tiến | Nam | 11/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,76 | C | Khá | |
| 118 | Nguyễn Ngọc Bảo | Trân | Nữ | 10/02/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 3,17 | B | Giỏi | |
| 119 | Nguyễn Đức | Trọng | Nam | 07/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,98 | C | Khá | |
| 120 | Nguyễn Quốc | Tuấn | Nam | 08/08/2005 | Bình Định | CĐLT-CNTT17 | 2,60 | C | Khá | |
| 121 | Nguyễn Hoàng | Tùng | Nam | 23/8/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 2,79 | C | Khá | |
| 122 | Nguyễn Thế | Vũ | Nam | 23/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 3,21 | B | Giỏi | |
| 123 | Nghiêm Hùng | Vương | Nam | 18/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CNTT17 | 3,43 | B | Giỏi | |
| 124 | Trần Thị | Kiều | Nữ | 25/3/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-KTDN17 | 2,87 | C | Khá | |
| 125 | Võ Thị Hồng | Nhi | Nữ | 15/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTDN17 | 2,88 | C | Khá | |
| 126 | Phạm Thị Mỹ | Quyên | Nữ | 07/02/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-KTDN17 | 3,09 | B | Giỏi | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 127 | Nguyễn Bích | Trâm | Nữ | 08/9/2005 | Đắk Lắk | CĐLT-KTDN17 | 3,06 | B | Giỏi | |
| 128 | Vũ Như Quỳnh | Anh | Nữ | 02/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,12 | B | Giỏi | |
| 129 | Nguyễn Ngọc Thanh | Danh | Nam | 08/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,80 | C | Khá | |
| 130 | Nguyễn Trần Thảo | Duy | Nữ | 12/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 131 | Ngô Xuân Trang | Đài | Nữ | 30/4/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,00 | B | Giỏi | |
| 132 | Trần Hoàng | Giang | Nam | 01/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,88 | C | Khá | |
| 133 | Trần Thu | Hà | Nữ | 03/10/2005 | Ninh Bình | CĐLT-QTKS17 | 2,96 | C | Khá | |
| 134 | Phạm Thị Thanh | Hiền | Nữ | 22/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,20 | B | Giỏi | |
| 135 | Đỗ Thị Kim | Hoa | Nữ | 12/01/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,16 | B | Giỏi | |
| 136 | Vũ Quang | Hùng | Nam | 13/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,88 | C | Khá | |
| 137 | Phạm Gia | Khiêm | Nam | 06/02/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,96 | C | Khá | |
| 138 | Phạm Thị Phương | Mai | Nữ | 06/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 139 | Trần Thanh | Mẫn | Nữ | 05/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,96 | C | Khá | |
| 140 | Trần Việt Bảo | Minh | Nam | 21/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,12 | B | Giỏi | |
| 141 | Huỳnh Thị Diễm | My | Nữ | 06/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,12 | B | Giỏi | |
| 142 | Lê Nguyễn Thảo | My | Nữ | 28/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,12 | B | Giỏi | |
| 143 | Nguyễn Lê Ánh | My | Nữ | 07/6/2005 | Phú Yên | CĐLT-QTKS17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 144 | Nguyễn Nhật Trà | My | Nữ | 13/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 145 | Trà | My | Nữ | 08/7/2005 | Quảng Nam | CĐLT-QTKS17 | 2,88 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 146 | Nguyễn Hoàng | Nam | Nam | 15/12/2005 | Đà Nẵng | CĐLT-QTKS17 | 3,20 | B | Giỏi | |
| 147 | Huỳnh Thị Kim | Ngân | Nữ | 23/3/2005 | Quảng Ngãi | CĐLT-QTKS17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 148 | Nguyễn Hoàng Kim | Ngân | Nữ | 09/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,84 | C | Khá | |
| 149 | Nguyễn Đỗ Bảo | Ngọc | Nữ | 31/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,88 | C | Khá | |
| 150 | Huỳnh Trung | Nguyên | Nam | 28/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 151 | Bùi Ngọc Khánh | Nhi | Nữ | 25/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,96 | C | Khá | |
| 152 | Nguyễn Y | Nương | Nữ | 24/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,32 | B | Giỏi | |
| 153 | Trương Thị Mỹ | Qua | Nữ | 25/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,92 | C | Khá | |
| 154 | Trần Phú | Quý | Nam | 16/12/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,12 | B | Giỏi | |
| 155 | Phạm Ngọc Như | Quỳnh | Nữ | 03/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,16 | B | Giỏi | |
| 156 | Phan Thị | Thắm | Nữ | 20/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,16 | B | Giỏi | |
| 157 | Nguyễn Thị Thu | Thanh | Nữ | 04/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,92 | C | Khá | |
| 158 | Trần Thị Kim | Thảo | Nữ | 01/02/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 159 | Phạm Thị Ngọc | Trâm | Nữ | 07/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 160 | Lê Uyên Phương | Trân | Nữ | 30/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 2,84 | C | Khá | |
| 161 | Nguyễn Thị Thùy | Trinh | Nữ | 08/3/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,16 | B | Giỏi | |
| 162 | Đỗ Thị Như | Trúc | Nữ | 25/9/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,28 | B | Giỏi | |
| 163 | Bùi Thị Thu | Uyên | Nữ | 17/3/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 164 | Trương Thanh Hà | Uyên | Nữ | 25/01/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,00 | B | Giỏi | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 165 | Nguyễn Ngọc Như | Ý | Nữ | 23/10/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-QTKS17 | 3,12 | B | Giỏi | |
| 166 | Nguyễn Hoàng Bảo | Hân | Nữ | 08/6/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-HDDL17 | 2,77 | C | Khá | |
| 167 | Mai Thị | Hoa | Nữ | 06/7/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-HDDL17 | 3,20 | B | Giỏi | |
| 168 | Vũ Ngọc Phương | Linh | Nữ | 26/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-HDDL17 | 3,11 | B | Giỏi | |
| 169 | Trần Như | Phương | Nữ | 23/6/2002 | Khánh Hòa | CĐLT-HDDL17 | 3,01 | B | Giỏi | |
| 170 | Nguyễn Huyền | Tina | Nữ | 10/6/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-HDDL17 | 2,87 | C | Khá | |
| 171 | Lê Thảo | Vy | Nữ | 15/02/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-HDDL17 | 2,86 | C | Khá | |
| 172 | Nguyễn Trần Phúc | An | Nam | 06/4/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,05 | B | Giỏi | |
| 173 | Hà Lâm | Bích | Nữ | 02/9/1978 | Lâm Đồng | CĐLT-CBMA17 | 3,33 | B | Giỏi | |
| 174 | Huỳnh Tuấn | Hiền | Nam | 14/5/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,02 | B | Giỏi | |
| 175 | Nguyễn Huy | Hoàng | Nam | 13/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,26 | B | Giỏi | |
| 176 | Nguyễn Đức | Hưng | Nam | 13/11/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 2,84 | C | Khá | |
| 177 | Phan Đức | Lợi | Nam | 07/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,08 | B | Giỏi | |
| 178 | Nguyễn Huỳnh Gia | Long | Nam | 29/12/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,26 | B | Giỏi | |
| 179 | Nguyễn Hữu | Phát | Nam | 23/01/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 2,97 | C | Khá | |
| 180 | Phạm Nguyễn Hồng | Phước | Nam | 18/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,11 | B | Giỏi | |
| 181 | Trần Hữu | Quốc | Nam | 31/8/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,17 | B | Giỏi | |
| 182 | Nguyễn Lâm Nhật | Toàn | Nam | 04/3/2005 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 3,04 | B | Giỏi | |
| 183 | Nguyễn Thị Phương | Trinh | Nam | 01/9/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA17 | 2,93 | C | Khá | |

| TT | Họ và tên | | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Lớp | Điểm quy đổi | Điểm chữ | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 184 | Lê Minh | Chiến | Nam | 19/02/2001 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐĐT16 | 2,86 | C | Khá | |
| 185 | Trần | Kha | Nam | 30/12/2003 | Khánh Hòa | CĐLT-ĐĐT16 | 2,77 | C | Khá | |
| 186 | Trần Tiến | Đạt | Nam | 25/9/2003 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML16 | 2,72 | C | Khá | |
| 187 | Lưu Ngọc | Hoàng | Nam | 01/5/2000 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML16 | 2,64 | C | Khá | |
| 188 | Lê Thanh | Trường | Nam | 21/6/2000 | Khánh Hòa | CĐLT-KTML16 | 2,56 | C | Khá | |
| 189 | Phạm Minh | Đăng | Nam | 21/8/2004 | Khánh Hòa | CĐLT-CBMA16 | 2,72 | C | Khá | |

*Danh sách này có 189 sinh viên*

| Xếp loại tốt nghiệp | Số lượng | Tỉ lệ |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0 |
| Giỏi | 64 | 33,9% |
| Khá | 124 | 65,6% |
| Trung bình | 01 | 0,1% |
| **Tổng cộng** | **189** | **100%** |